TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ QUY NHƠN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Bản án số:335/2024/DS-ST
Ngày: 29-11-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vaytài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:BàĐặng Thị Kim Anh

Các Hội thẩm nhân dân:1.BàTrần Thị Phối

2. Ông Nguyễn Tấn Bình

***-Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Đức Phonglà Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định*tham gia phiên tòa:*Bà Nguyễn Thị Hoa Lý -Kiểm sát viên.

Ngày 29tháng11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơnxét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2024vềtranh chấp hợp đồng vaytài sảntheo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số358/2024/QĐXXST-DS ngày24tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số308/2024/QĐST-DS ngày 12/11/2024,giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*Ngân hàng TMCP S
Trụ sở: 2 N, phường H, Quận C, TP ..
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Bình Q - Trưởng phòng G; Địa chỉ: C đường C tháng C, TP ., tỉnh Bình Định, là người đại diện theo ủy quyền (Quyết định ủy quyền số 3525/2023/QĐ-PCngày 25/12/2023); vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Chị Lê Thị Hồng L, sinh năm 1985; HKTT: Tổ E, khu phố F, phường Q, TP Q, tỉnh Bình Định; Địa chỉ: 1 N, phường Q, TP Q, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12tháng 7năm 2024, các lời khaitrong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sdo Lê Bình Qlà người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 19/10/2021, chị Lê Thị Hồng Lcó ký với Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh B-Phòng G(sau đây viết tắt là Ngân hàng) Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng. Căn cứ thu nhập của chị L, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho chị L, số thẻ 970403-2021, với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân , lãi suất là 2,77%/tháng, lãi quá hạn là 4,15%/tháng. Sau khi được cấp thẻ t ín dụng, tính đến ngày 28/11/2024 chị Lđã thực hiện các giao dịch với số tiền là 100.300.000 đồng, phí trễ hạn 1.332.633 đồng, tiền lãi 35.302.050đồng, phí vượt hạn mức 491.759 đồng, phí thường niên 600.000 đồng.Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng , kể từ ngày kích hoạt thẻ đến nay , chị Lđã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 85.900.000đồng. Tuy nhiên , từ tháng 10/2023 chị Lđã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi thẻ tín dụng đầy đủ, đúng hạn cho Ngân hàng theo như cam kết . Ngân hàng đã nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng chị Lkhông có thiện chí trả nợ . Do chị Lvi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 15/10/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng của chị Lvà chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn . Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ đến ngày 15/01/2024 thành nợ gốc là 35.157.206 đồng.Từ ngày 15/12/2023 Ngân hàng áp dụng lãi suất 4,15%/tháng (bằng 150% lãi suất cho vay). Tính đến ngày 28/11/2024 chị Lcòn nợ Ngân hàng số tiền 52.126.442đồng (trong đó nợ tiền gốc: 35.157.206 đồng, nợ lãi quá hạn: 16.969.236 đồng). Nay nguyên đơn Ngân hàng TMCP Syêu cầu Tòa buộc chị Lphải trả cho Nguyên đơn số tiền gốc và lãi còn nợ tạm tính đến hết ngày 28/11/2024 là 52.126.442đồng (trong đó nợ tiền gốc: 35.157.206 đồng, nợ lãi quá hạn: 16.969.236 đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 29/11/2024 cho đến khi chị Lthanh toán hết nợ theo mức lãi suất quy định tại giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đã ký. Đây là khoản vay Nguyên đơn cho cá nhân chị Lvay nên Nguyên đơn yêu cầu chị Ltrả, ngoài ra nguyên đơn không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn chị Lê Thị Hồng L: Trong quá trình giải quyết vụ án , Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn đ ã nhiều lần triệu tập hợp lệ chị Lê Thị Hồng L đến Tòa để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp , tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên xét xử nhưng chị L vẫn không đến Tòa để làm việc , do đó Tòa không lấy được lời khai của chị Lê Thị Hồng L.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm . Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quyđịnh của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơnthực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân

sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án : Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cá c Điều 463,466, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn , buộc chị Lê Thị Hồng Lphải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Stổng số tiền là52.126.442đồng (trong đó nợ tiền gốc: 35.157.206 đồng, nợ lãi quá hạn: 16.969.236 đồng)và tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Lê Bình Qlà người đại diện theo ủy quyềncủa nguyên đơn Ngân hàng TMCP Svắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 28-11-2024. Chị Lê Thị Hồng L là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tạikhoản 2 Điều 227và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Syêu cầu chị Lphải trả số tiền gốc và lãi còn nợ cho Ngân hàng TMCP Stạm tính ngày 28/11/2024 với tổng số tiền là 52.126.442đồng (trong đó nợ tiền gốc: 35.157.206 đồng, nợ lãi quá hạn: 16.969.236 đồng)và trả lãi phát sinh, Hội đồng xét xử căn cứ vào giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 19/10/2021, bảng tóm tắt sao kê đề ngày 28/11/2024và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở xác định:

Ngày 15/11/2021, Ngân hàng TMCP Sđã cấp thẻ tín dụng cho chị Lê Thị Hồng L số thẻ 970403-2021, với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân . Việc giao kết hợp đồng giữa Ngân hàng và chị Llà tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng , căn cứ bảng tóm tắt sao kê các giao dịch đã thực hiện qua thẻ tín dụng thể hiện sau khi được cấp thẻ tín dụng , chị Lđã thực hiện các giao dịch tính đến ngày 28/11/2024 chị Lđã thực hiện các giao dịch với số tiền là 100.300.000 đồng, phí trễ hạn 1.332.633 đồng, tiền lãi 35.302.050 đồng, phí vượt hạn mức 491.759 đồng, phí thường niên 600.000 đồngChị L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 85.900.000đồng. Từ tháng 10/2023chị Lđã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi thẻ tín dụng đầy đủ , đúng hạn cho Ngân hàng theo như cam kết . Do chị L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 15/10/2023Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng của chị L và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn .Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ đến ngày 15/01/2024 thành nợ gốc là 35.157.206 đồng.Tính đến hết ngày 28/11/2024, chị L còn nợ Ngân hàng TMCP S với tổng số tiền là 52.126.442đồng (trong đó nợ tiền gốc: 35.157.206 đồng, nợ lãi quá hạn: 16.969.236 đồng).

Xét thấy bị đơn chị Lê Thị Hồng Lđã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng (bao gồm giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S1). Do đó, Ngân hàng TMCP Skhởi kiện yêu cầu Tòa buộc bị đơn chị Lê Thị Hồng Ltrả số tiền gốc và lãi còn nợ tính đến ngày 28/11/2024 với tổng số tiền là 52.126.442đồng (trong đó nợ tiền gốc : 35.157.206 đồng, nợ lãi quá hạn : 16.969.236 đồng)và trả lãi phát sinh từ ngày 29/11/2024 cho đến khi trả dứt nợ theo mức lãi suất quá hạn quy định tại giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đã ký là có căn cứ , phù hợp với quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Lphải chịu 2.606.000 đồng.

[4]Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấpnhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vàokhoản 2Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, 463, 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ vào khoản 2Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

1. Buộc chị Lê Thị Hồng Lphải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Ssố tiền gốc và lãi còn nợ tạm tính đến ngày 28/11/2024 là52.126.442đồng (trong đó nợ tiền gốc: 35.157.206 đồng, nợ lãi quá hạn: 16.969.236 đồng).

Kể từ ngày 29/11/2024chị L còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đã kýcho đến khi trả dứt nợ.

2. Về án phí:

2.1. Chị Lê Thị Hồng Lphải chịu 2.606.000 đồngán phí dân sựsơ thẩm.

2.2. Ngân hàng TMCP Sđược nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.131.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001275 ngày 23 tháng 7năm 2024của Chi cục thi hành án dân sự Tp.Quy Nhơn.

3. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án:

3.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành áncủa người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP Svà chị Lê Thị Hồng Lcó quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định;**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- VKSND thành phố Quy Nhơn
-Chi cục THADS thành phố Quy Nhơn
- Các đương sự
- Lưu:Hồ sơvụ án.

Đặng Thị Kim Anh